

Bản án số: 36/2023/DS-ST
Ngày: 13-6-2023
V/v tranh chấp “hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Trang Phương.

Bà Tạ Huyền Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Trui - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1985 (*vắng mặt*).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Bé E, sinh năm 1961 (*theo giấy ủy quyền được chứng thực ngày 30/6/2022, có mặt*).

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1967 và bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1969 (*vợ ông V, ông V và bà V đều vắng mặt*).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Bà Nguyễn Thị M là đầu thảo, chủ hội ở địa phương, bà mở nhiều dây hội, vợ chồng ông Nguyễn Văn V và bà Huỳnh Thị V tham gia nhiều chân hội ở nhiều

dây hội khác nhau. Khi mở hội, bà M có giao danh sách hội cho các hội viên, cụ thể:

- Dây hội thứ nhất : Mở ngày 03/6/2019 âm lịch, loại hội 01 triệu đồng, gồm 75 chung, mỗi tháng khai 02 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng, vợ chồng ông V, bà V tham gia 01 chân, đến ngày 30/11/2019 thì hết hội (kỳ thứ 13) được số tiền 39.850.000 đồng, bà M đã giao đủ tiền. Sau khi hết hội thì vợ chồng ông V đóng hội đến kỳ thứ 22 thì ngưng đến nay không đóng nữa, vợ chồng ông V còn nợ 53 kỳ hội chết x 1.000.000 đồng bằng 53.000.000 đồng.

- Dây hội thứ hai: Cùng mở ngày 03/6/2019 âm lịch, loại hội 01 triệu đồng, gồm 74 chung, mỗi tháng khai 02 lần ngày 15 và 30 hàng tháng, vợ chồng ông V, bà V tham gia 01 chân, đến ngày 30/11/2019 thì hết hội (kỳ thứ 13) được số tiền 39.850.000 đồng, bà M đã giao đủ tiền. Sau khi hết hội thì vợ chồng ông V đóng hội đến kỳ thứ 22 thì ngưng cho đến nay, vợ chồng ông V còn nợ 52 kỳ hội chết x 1.000.000 đồng bằng 52.000.000 đồng.

Nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn V và bà Huỳnh Thị V liên đới thanh toán cho bà M số tiền nợ hội tổng cộng là 105.000.000 đồng.

* *Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 04/4/2023 bị đơn - Ông Nguyễn Văn V trình bày:* Nguyên trước đây bà Nguyễn Thị V (vợ ông V) có tham gia hội do ông 9 Quang (cha ruột bà M) đứng tên làm chủ, bà M là người trực tiếp giao dịch. Khi đình hội thì ông V mới biết bà M làm chủ hội. Khi bỏ hội hay nhận tiền hội là do bà V trực tiếp giao dịch với bà M, ông V không tham gia và không biết cụ thể.

Bà V hết hội và đóng hội chết đầy đủ đến khi bà M đình hội. Sau khi bà M đình hội thì bà V có đóng thêm được vài kỳ rồi ngưng cho đến nay. Ông V không biết bà V tham gia bao nhiêu chân hội nhưng ông biết bà V có hết hội và đóng hội chết. Ông V và bà V đã ly thân nên đây là khoản nợ riêng của bà V.

* *Đối với bị đơn – Bà Huỳnh Thị V:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà bà Huỳnh Thị V không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà Nguyễn Thị M khởi kiện. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà V vẫn vắng mặt 02 lần không có lý do.

* *Tại phiên tòa:*

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Bà Huỳnh Thị Bé E trình bày:

Bà xin thay đổi một phần khởi kiện, chỉ yêu cầu ông V và bà V thanh toán tiền hội là 95.000.000 đồng vì trước đây bà M đã khởi kiện ông V và bà V trả 10.000.000 rồi.

Bị đơn vắng mặt và không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Về phần thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định

pháp luật nên không có kiến nghị. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, buộc vợ chồng Nguyễn Văn V và bà Huỳnh Thị V liên đới thanh toán cho bà M số tiền nợ hui tổng cộng là 88.035.000 đồng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà M khởi kiện buộc vợ chồng ông V bà V liên đới thanh toán tiền hui còn nợ nên xác định đây là “Tranh chấp hui” theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; ông V và bà V có nơi cư trú tại ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau và vụ án không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà M vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền có mặt nên xét xử vắng mặt bà M sự theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông V và bà V đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên xét xử vắng mặt ông V, bà V theo quy định điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án.

Bà Nguyễn Thị M là đầu thảo, chủ hui ở địa phương, năm 2019 bà mở nhiều dây hui, vợ chồng ông Nguyễn Văn V và bà Huỳnh Thị V tham gia 02 chân hui ở 02 dây hui khác nhau, loại hui có lãi, chủ hui được hưởng huê hồng (tiền cò). Khi mở hui, bà M có giao danh sách hui cho các hui viên. Quá trình giao dịch hui, ông V và bà V đã hót hui nhưng không đóng hui chet đầy đủ nên các bên xảy ra tranh chấp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn.

Bà Nguyễn Thị M buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn V và bà Huỳnh Thị V liên đới thanh toán cho bà M số tiền nợ hui tổng cộng là 95.000.000 đồng, theo đơn khởi kiện bà M cho rằng hai dây hui cùng mở ngày 03/6/2019 âm lịch và đã nộp cho Tòa án 02 danh sách hui thể hiện hui mở ngày 30/4/2019 âm lịch nhưng năm 2019 không có ngày 30/4 âm lịch. Mặt khác, tại bản án số: 32/2021/HS-ST ngày 21/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, thể hiện năm 2019 bà M mở 05 dây hui loại hui 1.000.000 đồng, trong đó có 02 dây hui mở ngày cùng mở ngày 03/6/2019 (nhằm ngày 01/5/2019 âm lịch) một dây có 75 chân thui và một dây có 74 chân hui (bút lục từ số 46-56), không có dây hui mở ngày 03/6/2019 âm lịch. Vì vậy thời gian mở hui theo hai danh sách hui và đơn khởi kiện thì ngày mở hui là không chính xác.

Từ đó xác định, vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Huỳnh Thị V tham gia 02 dây hui cùng mở ngày 03/6/2019 (nhằm ngày 01/5/2019 âm lịch), cùng loại hui 01

triệu đồng, tháng khai 02 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng, mỗi dây hụi vợ chồng ông V đều tham gia 01 chung và đều hốt hụi tại kỳ hụi thứ 13 (ngày 30/11/2019 al). Hai dây hụi đến nay đã mãn, vợ chồng ông V sau khi hốt hụi thì đóng hụi chết đến hết kỳ hụi thứ 22 thì ngưng không đóng nữa. Như vậy vợ chồng ông V nợ hụi chết từ kỳ thứ 23 đến khi mãn hụi.

Xét yêu cầu thanh toán nợ.

Bà Nguyễn Thị M buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn V và bà Huỳnh Thị V liên đới thanh toán cho bà M số tiền nợ hụi tổng cộng là 95.000.000 đồng, yêu cầu này của bà M là không phù hợp, bởi lẽ: Khi đình hụi thì các bên không gặp nhau để đối chiếu công nợ, năm 2020, bà M đã khởi kiện ông V, bà V đối với hai dây hụi này và tại Bản án số: 49/2020/DS-ST ngày 06/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn thể hiện “*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà M về việc buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn V và Huỳnh Thị V có trách nhiệm liên đới thanh toán tổng số tiền hụi còn nợ là 10.000.000 đồng*”.

Sau đó Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử bà Nguyễn Thị M, theo bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2021/HS-ST ngày 21/5/2021 thể hiện: Có 06/83 hụi viên nợ hụi chết của bà M, trong đó có ông Nguyễn Văn V nợ hụi chết số tiền 88.035.000 đồng (bút lục số 49). Các đương sự không phản đối về số tiền nợ hụi này, từ thời điểm đó đến nay các đương sự không chứng minh được việc thanh toán nợ cho nhau.

Việc ông Nguyễn Văn V xác định bà V hốt hụi và đóng hụi chết đầy đủ đến khi bà M đình hụi. Sau khi bà M đình hụi thì bà V có đóng thêm được vài kỳ rồi ngưng cho đến nay. Ông V cho rằng ông và bà V đã ly thân nên đây là khoản nợ riêng của bà V, lời trình bày của ông V là không phù hợp bởi lẽ: Quá trình giao dịch hụi thì trong danh sách hụi đề tên “Thiếu V”, số nợ hụi này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông V và bà V, ông V không chứng minh được việc bà V hốt hụi để sử dụng riêng và tại bản án số: 32/2021/HS-ST ngày 21/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thể hiện ông Nguyễn Văn V nợ hụi chết của bà M với số tiền 88.035.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên có đủ cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, buộc vợ chồng Nguyễn Văn V và bà Huỳnh Thị V liên đới thanh toán cho bà M số tiền nợ hụi tổng cộng là 88.035.000 đồng đồng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 17, 24, 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hụi, biên, phường.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp vợ chồng Nguyễn Văn V và bà Huỳnh Thị V thanh toán cho bà M số tiền nêu trên thì hàng tháng vợ chồng ông V, bà V còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

Mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 10 năm 2022, nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng Nguyễn Văn V và bà Huỳnh Thị V trả số tiền 105.000.000 đồng. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu là chỉ buộc thanh toán số tiền 95.000.000

đồng. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận vì không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà M được chấp nhận một phần nên vợ chồng ông V bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với một phần yêu cầu của bà không được chấp nhận.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên được chấp nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 17, 24, 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xữ:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị M. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn V và Huỳnh Thị V có trách nhiệm liên đới thanh toán tổng số tiền hụi còn nợ là 88.035.000 đồng đồng (*tám mươi tám triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp vợ chồng Nguyễn Văn V và bà Huỳnh Thị V thanh toán cho bà M số tiền nêu trên thì hàng tháng vợ chồng ông V, bà V còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị M đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn V bà Huỳnh Thị V với số tiền 6.965.000 đồng.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

Vợ chồng ông ông Nguyễn Văn V bà Huỳnh Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.403.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị M chịu án phí dân sự sơ thẩm là 348.000 đồng. Ngày 07 tháng 12 năm 2022, bà M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.625.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tóa án số 0015897 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, sau khi đối trừ bà M được nhận lại 2.277.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền